

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2022/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế- kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1288/TTr-STNMT ngày 30 tháng 3 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 39/BC-STP ngày 22 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2022 và thay thế Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài

nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB: PCVP, NC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak473.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**



*(Kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 ngày 6 tháng 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP); Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế- kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT) và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi bao gồm những thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP; trừ những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc trách nhiệm quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số

73/2017/NĐ-CP .

Điều 4. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giao Sở Tài nguyên và Môi trường đặt hàng, giao nhiệm vụ cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (*sau đây gọi là Trung tâm Công nghệ thông tin*) triển khai thực hiện.

3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

**THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 5. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc lập kế hoạch, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin phải bảo đảm thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật; cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch theo Quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, lập kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Điều 6. Thực hiện kế hoạch, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Các sở, ban ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt của đơn vị mình.

3. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

4. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần thuộc các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; địa chất và khoáng sản; môi trường; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo; biến đổi khí hậu; viễn thám và các thông tin, dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường do các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, thu thập phải giao nộp tại Trung tâm Công nghệ thông tin để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

6. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

7. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, số hóa dữ liệu thu thập được và các thông tin, dữ liệu khác từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo quy định.

Điều 7. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để thu thập, tạo lập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời hạn chậm nhất 03 (ba) tháng kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) 01 (một) bộ dữ liệu đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

2. Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nộp phải được

lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp này là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao

3. Các tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp danh mục, thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin để xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 9. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo đúng quy định tại Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

2. Việc lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi do Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện.

Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 10. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 12. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương IV

**KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 13. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi và Cổng thông tin điện tử thành phần Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 15. Nội dung khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Nội dung khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 17. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; những thông tin được quy định tại Điều 6 của Luật tiếp cận thông tin năm 2016; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định.

Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 18. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu đề UBND tỉnh thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Điều 20. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

c) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin:

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tiến hành, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm;

- Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, kết nối, liên thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh, các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành Trung ương;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin;

đ) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường;

e) Lập và trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Cổng thông tin điện tử thành phần Sở Tài nguyên và Môi trường;

g) Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm

Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán, trên cơ sở đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thẩm tra, tổng hợp nguồn kinh phí tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách địa phương và theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, dữ liệu, bảo đảm thông suốt và an toàn thông tin theo quy định.

5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

a) Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật; kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập kế hoạch, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Đồng thời thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan đang quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

6. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Hàng năm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn quản lý;

b) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) hàng năm theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu và có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương VII

BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 23. Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 24. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được, thu thập bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành. Dữ liệu giao nộp phải là dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.